

Trong mấy năm gần đây nước ta nói nhiều đến cải cách hành chánh. Nhất là trong năm 1995, có Nghị Quyết 8 Trung ương Đảng chỉ đạo đường lối cải cách nền hành chánh nhà nước. Với không khí như thế nên có người lầm tưởng nền hành chánh nước ta ổn định, bất biến từ năm 1945 đến nay. Thật ra nền hành chánh nước ta đã liên tục biến đổi, cải tổ để thích hợp với từng thời kỳ của cách mạng. Nhiều nước trên thế giới vẫn thế. Đó là quy luật phát triển của nền hành chánh các nước và của các nhà nước trong quá trình lịch sử nhân loại.

1. CẢI CÁCH HÀNH CHÁNH

Dù tuyên bố hay không, mọi nền hành chánh nhà nước đều phải thường xuyên thay đổi, cải cách để thích hợp với từng bước phát triển của xã hội. Yếu tố quyết định đến sự cải tổ hành chính là kinh tế. Do đó để đánh giá một nền hành chánh tốt hay không, là đánh giá về hiệu quả phát triển kinh tế của đất nước đó. Thông thường có 3 tiêu chuẩn để đánh giá một nền kinh tế có hiệu quả.

- Nền kinh tế phát triển ổn định lâu dài phải từ 20 đến 30 năm.

- Số người có việc làm nhiều hay nói cách khác là không có thất nghiệp.

- Mức sống nhân dân trong nước đồng đều, không có vùng phát triển quá cao, vùng quá thấp.

Và để thực hiện được đầy đủ 3 kết quả trên, các quốc gia đều liên tục điều chỉnh nền hành chánh để quản lý đất nước. Dù tổ chức cách nào, mỗi nền hành chánh đều phải được tổ chức trên 4 yếu tố cơ bản.

- Yếu tố nhân sự.
- Yếu tố luật pháp.
- Yếu tố tài chánh.
- Yếu tố bộ máy.

1. Yếu tố nhân sự

Công chức là một nghề nghiệp đặc biệt, là một nghề khó nhất trong các nghề. Nghề quản lý hành chánh là loại nghề vừa cần phải có kỹ năng, kỹ thuật

8 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

CẢI CÁCH HÀNH CHÁNH TƯ PHÁP

VÕ VĂN THÔN

PGĐ thường trực Sở Tư pháp TP.HCM

lại vừa là nghề có tính nghệ thuật rất cao. Nghề quản lý điều khiển con người chấp nhận sống và làm việc trong vòng trật tự pháp luật.

Do đó công chức cần phải được huấn luyện kỹ, hiểu biết về kỹ thuật, nghệ thuật.

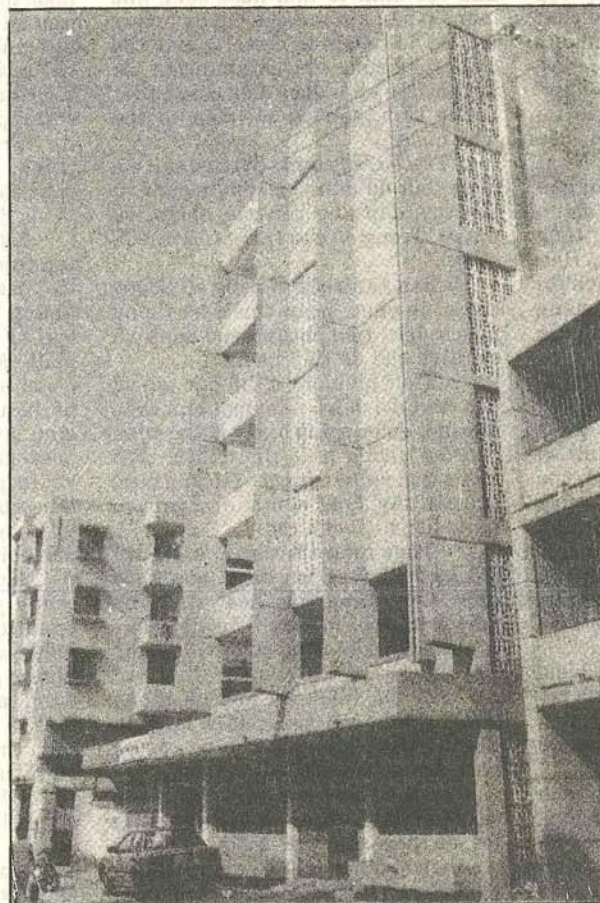
Theo thống kê, số lượng công chức của các nước phát triển trong thế giới hiện nay chiếm tỷ lệ 10% số lượng lao động của mỗi nước. Đó tỷ lệ tương đối, còn mỗi nước số lượng công chức là bao nhiêu còn tùy trình độ và nhiều yếu tố khác ảnh hưởng. Các nhà hành chính phải nghiên cứu tính toán.

2. Yếu tố luật pháp

Luật pháp đã xuất hiện từ xa xưa, được che ẩn qua nhiều hình thức. Do nhu cầu của cuộc sống cộng đồng, luật pháp đã xuất hiện. Khi có nhà nước, luật pháp càng được sử dụng triệt để, trở thành công cụ quyết định trong sự cai trị và quản lý. Luật pháp mỗi ngày được phát triển phong phú để phục vụ cho sự quản lý. Luật pháp cũng phải được điều chỉnh sửa đổi, bổ sung để thích ứng với sự phát triển xã hội, sự phát triển kinh tế. Do đó trong cải cách, luật pháp cũng là một yếu tố phải được cải cách và bổ sung.

3. Yếu tố tài chính

Tài chánh là một phương tiện của nhà nước để quản lý tài sản quốc gia. Trong mỗi nước, nhà nước là người chi tiêu lớn nhất và có nhiều tài sản nhất. Do đó vấn đề quản lý tài chánh là hết sức quan trọng, nhất là trong tình hình kinh tế thị trường; sự thất thoát lãng phí dù chỉ 1% của nhà nước cũng là một tài sản to lớn của sự đóng góp công sức của nhân dân. Tài chính là một phần nào nguồn lực của nhà nước. Nhà nước quản lý tài chính không phải chỉ quản lý tài sản công mà phải quản lý toàn diện tài sản đất nước gồm cả tài sản công và tài sản tư. Tài sản tư trên góc độ nào đó vẫn là tài sản của quốc gia, tạo nên sức mạnh của đất nước.



Cho nên có câu "dân giàu, nước mạnh" là như thế.

4. Yếu tố bộ máy

Các quyền lực là yếu tố trừu tượng, nên phải được đặt vào một tổ chức được luật pháp qui định. Tổ chức tạo ra lực về vật chất, nhưng luật pháp tạo ra quyền cho lực. Quyền lực được thiết lập và tồn tại vận hành trên một tổ chức bộ máy. Nhưng quyền lực phát huy được sức mạnh phải trên cơ chế vận hành của bộ máy. Vấn đề thiết chế bộ máy là điều hết sức quan trọng để bộ máy vận hành có hiệu quả. Chức năng các phân cấu thành của bộ máy nhà nước phải được xác định đầy đủ, chính xác, rõ ràng.

II. TƯ PHÁP VÀ QUYỀN TƯ PHÁP

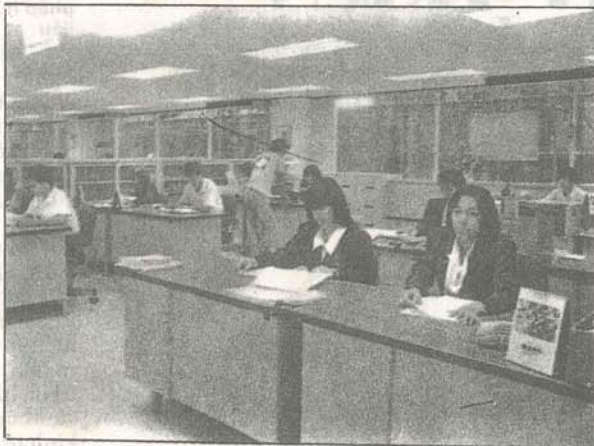
Trước cách mạng tư sản dân quyền, bộ máy nhà nước tổ chức theo chế độ phong kiến, quyền hành tập trung vào tay nhà vua. Nhà vua là con trời, theo ý trời để cai trị bá tánh, quản lý trần gian. Sau khi lật đổ chế độ phong kiến, các nhà tư tưởng cách mạng tư sản dân quyền đưa ra lý thuyết tam quyền để xây dựng bộ máy chính quyền thuộc về nhân dân: nhà nước của dân, do dân, vì dân. Cơ chế nhà nước dân chủ với ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được lan truyền trong thế giới ngày nay, được nhiều nhà nước chấp nhận tổ chức. Với cơ cấu ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng tùy theo tình hình mỗi nước có sự thiết chế mỗi khác, không nước nào giống nước nào. Mặc dù không giống nhau trong tổ chức, nhưng hiện nay hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thiết chế trong bộ máy nhà nước 3 bộ phận: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhiều sách vở đã phân tích, giải thích nội dung hai quyền lập pháp và hành pháp khá rõ ràng. Về nhận thức có giống nhau, mặc dù về tổ chức vẫn có khác nhau. Riêng quyền tư pháp còn tồn tại nhiều cách nhìn khác nhau. Có ý kiến cho quyền tư pháp là quyền bảo vệ pháp luật, hoặc có ý

kiến cho là quyền tài phán...

Từ xa xưa lắm, con người luôn tìm kiếm tự do dân chủ. Trong cuộc sống cộng đồng, con người ý thức được vấn đề tổ chức và chấp nhận hy sinh bớt một phần tự do đổi lấy sự bảo đảm cho phần tự do còn lại.

thắng lợi, các nhà tư tưởng đã nghĩ ra cơ chế tam quyền để hạn chế quyền hành pháp và tăng cường quyền dân chủ cho nhân dân. Để bảo đảm hơn người ta thiết chế quyền tư pháp, là quyền để cho mọi cá nhân công dân tự vệ, giành lại quyền dân chủ của



Nhưng qua mấy ngàn năm của chế độ phong kiến, cơ chế đó chưa đảm bảo dân chủ tự do, mà tùy thuộc may rủi vào các con người trong bộ máy nhà nước, nhất là người đứng đầu. Khi CM tư sản dân quyền

minh, quyền làm chủ của công dân đối với bộ máy công bộc của mình đó là bộ máy hành pháp.

Khi mỗi công dân đi bầu các thiết chế bộ máy nhà nước là ủy quyền cho đại diện của mình quản lý

trật tự xã hội. Nhưng không phải là tặng toàn bộ quyền năng của mình cho các đại diện, để trở thành nô dịch. Thật ra mỗi công dân đi bầu là chỉ giao một phần nhỏ quyền cho bộ máy nhà nước để quản lý. Dân chủ tự do là một quyền thiêng liêng cao cả, không công dân nào lại chịu bỏ, chịu giao tất cả mà chỉ chịu giao một phần đủ để tổ chức công quyền. Do đó khối lượng công quyền phải nhỏ bé hơn tư quyền. Công quyền là ở trong tư quyền. Công quyền tồn tại trên cơ sở tư quyền tồn tại. Nếu tư quyền không còn thì công quyền không thể tồn tại vì công quyền có được là do nhiều phần của tư quyền bầu lên góp lại. Vì vậy tư quyền phong phú hơn công quyền. Công quyền là các quyền phải được đa số biểu quyết tán đồng. Do đó quyền tư pháp là quyền giữ lại của công dân, không ủy nhiệm cho đại biểu hành pháp.

Từ đó khi các thiết chế tư pháp bảo đảm cho sự dân chủ tự do của công dân thì quyền hành pháp phải giảm xuống cùng với bộ máy hành chính cùng giảm theo. Quá trình tiêu vong nhà nước là quá trình giảm bớt bộ máy và quyền lực của hành chính. Đó là sự giảm bớt cái chung và cũng là quá trình cái riêng được tôn trọng. Từ đó dân chủ của công dân được nâng cao, tự do được mở rộng.

Vì vậy quyền tư pháp là quyền cơ bản thật sự của công dân. Quyền hành pháp là quyền do mỗi công dân tự nguyện góp lại để giữ gìn trật tự công cộng. Để bảo đảm cho quyền tư pháp phát huy tác dụng, hệ thống các tổ chức tư pháp được thiết lập và công cụ quyền năng của tư pháp là hoạt động xét xử.

Trong cái cách tư pháp, cần phải thống nhất được định nghĩa, khái niệm của quyền tư pháp. Từ đó các tổ chức tư pháp mới có cơ chế hoạt động có hiệu quả. Đây là vài ý kiến của cá nhân xin góp phần vào việc tìm hiểu về quyền tư pháp ■